

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2021/TLST-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng B.

Địa chỉ: Tòa tháp B, số 35 H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng B.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Đức T - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng B Chi nhánh T (theo văn bản uỷ quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22-8-2019).

Người đại diện theo uỷ quyền lại:

- Ông Trần Đăng Đ - chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng B Chi nhánh T.
- Ông Bùi Văn T - chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch H - Ngân hàng B Chi nhánh T.
- Ông Lê H - chức vụ: Cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng B Chi nhánh T.

(theo văn bản ủy quyền số 0915/QĐ-BIDV.THNA ngày 21-5-2021).

* **Bị đơn:** Bà Phùng Thị D - sinh năm 1953; nơi cư trú: Số 6/45/188 đường T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phạm Quang V- sinh năm 1949; nơi cư trú: Số 6/45/188 đường T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quang V: Bà Phùng Thị D - sinh năm 1953; nơi cư trú: Số 6/45/188 đường Trần Quang K, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (theo văn bản ủy quyền ngày 10-6-2021).

2. Chị Phạm Thị Thu H - sinh năm 1982 và anh Phạm Nghĩa T - sinh năm 1977; cùng nơi cư trú: Số 1 tầng số 7, tập thể điện H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị Thu H và anh Phạm Nghĩa T: Chị Phạm Thị Lan A - sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 6/45/188 đường T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (theo văn bản ủy quyền ngày 30-6-2021).

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Tính đến hết ngày 27-8-2021, bà Phùng Thị D còn nợ Ngân hàng B khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/4191833/HĐTD ngày 21-10-2016, cụ thể: Tiền nợ gốc 229.270.000 đồng (hai trăm hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng); tiền lãi trong hạn 21.141.500 đồng (hai mươi một triệu một trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng); tiền lãi quá hạn 90.360.827 đồng (chín mươi triệu ba trăm sáu mươi nghìn tám trăm hai bảy đồng). Tổng cộng 340.772.327 đồng (ba trăm bốn mươi triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng).

2. Bà Phùng Thị D có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng B. Số tiền nợ phải trả và lịch trình trả nợ của bà Phùng Thị D cụ thể như sau:

2.1. Đối với số nợ gốc 229.270.000 đồng (hai trăm hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng):

- Trong năm 2021: Từ tháng 8-2021 đến tháng 12-2021 là 05 tháng x 5.000.000 đồng/tháng = 25.000.000 đồng.

- Trong năm 2022: 12 tháng x 6.000.000 đồng/tháng = 72.000.000 đồng.

- Trong năm 2023: 12 tháng x 7.000.000 đồng/tháng = 84.000.000 đồng.

- Trong năm 2024: Từ tháng 01-2024 đến tháng 5-2024 là 05 tháng x 8.000.000 đồng/tháng = 40.000.000 đồng; tháng 6-2024 trả 8.270.000 đồng.

Thời gian trả nợ gốc của bà Phùng Thị D là trước ngày 25 dương lịch hàng tháng.

2.2. Đối với tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn:

Sau khi thực hiện trả nợ gốc xong, số tiền lãi tính đến thời điểm trả hết nợ gốc sẽ được trả theo lịch định kỳ là 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng/tháng). Thời điểm bà Phùng Thị D bắt đầu phải trả lãi là tháng 7-2024, trả trước ngày 25 dương lịch hàng tháng cho đến khi trả xong toàn bộ tiền lãi, nghĩa vụ phát sinh và các chi phí khác (nếu có).

3. Kể từ ngày 28-8-2021, bà Phùng Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 01/2016/4191833/HĐTD ngày 21-10-2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc của Ngân hàng B. Cụ thể, tính đến hết ngày 27-8-2021, lãi suất theo Hợp đồng tín dụng được quy định như sau: Lãi suất trong hạn 7,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 100% lãi suất trong hạn.

Trong trường hợp Ngân hàng B có văn bản về việc điều chỉnh lãi suất và việc điều chỉnh lãi suất phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất thì lãi suất mà bà Phùng Thị D phải tiếp tục thanh toán theo Quyết định của Tòa án được áp dụng theo sự điều chỉnh của Ngân hàng B.

4. Trường hợp bà Phùng Thị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ (trả nợ không đúng thời hạn, hoặc trả không đủ số tiền theo kỳ trả nợ, hoặc vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào theo lịch trình trả nợ cũng được coi là vi phạm toàn bộ thỏa thuận) thì Ngân hàng B được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng B. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐTC (số đăng ký tại NH: 03a/4191833) ngày 31-12-2013 là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 514, tờ bản đồ số 6 phường N, địa chỉ thửa đất: Số 1 tầng số 7, tập thể điện H, phường N, thành phố N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 996806 do UBND thành phố N cấp ngày 20-3-2013 cho ông Phạm Quang V và bà Phùng Thị D để thu hồi ngay toàn bộ các khoản nợ gốc và toàn bộ tiền lãi chưa được thanh toán.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Chấp nhận sự tự nguyện của Ngân hàng B về việc nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng B đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Phùng Thị D là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí 8.350.000 đồng (tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003679 ngày 13-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

V. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP.N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Nguyên